

Theo yêu cầu của khách hàng, trong một năm qua, chúng tôi đã dịch qua 16 môn học, 34 cuốn sách, 43 bài báo, 5 sổ tay (chưa tính các tài liệu từ năm 2010 trở về trước) Xem ở đây

**DỊCH VỤ
DỊCH
TIẾNG
ANH
CHUYÊN
NGÀNH
NHANH
NHẤT VÀ
CHÍNH
XÁC
NHẤT**

Chỉ sau một lần liên lạc, việc dịch được tiến hành

Giá cả: có thể giảm đến 10 nghìn/1 trang

Chất lượng: Tạo dựng niềm tin cho khách hàng bằng công nghệ 1. Bạn thấy được toàn bộ bản dịch; 2. Bạn đánh giá chất lượng. 3. Bạn quyết định thanh toán.

Tài liệu này được dịch sang tiếng việt bởi:

www.mientayvn.com

Từ bản gốc:

<https://drive.google.com/folderview?id=0B4rAPqlxIMRDfIBVOnk2SHNlBkR6NHJiN1Z3N2VBaFJpbnlmbjhgO3RSc011bnRwbUxsczA&usp=sharing>

Liên hệ dịch tài liệu :

thanhlam1910_2006@yahoo.com hoặc frbwrthes@gmail.com hoặc số 0168 8557 403

(gặp Lâm)

Tìm hiểu về dịch vụ: http://www.mientayvn.com/dich_tiang_anh_chuyen_nghanh.html

3.3. Sự dẫn truyền (trung chuyển) ngắn hạn và tốc độ điều chỉnh

Chúng tôi sử dụng **phương pháp đặc tả** hai biến của mô hình điều chỉnh sai số cấu trúc (SEC) trong công thức của phương trình (2) để ước tính các tác động ngắn hạn của việc điều chỉnh lãi suất bán lẻ và **wholesale rates chuẩn**. Kết quả của sự điều chỉnh lãi suất bán lẻ được thể hiện trong Bảng 3. Chúng tôi chỉ báo cáo các ước tính về tác động và hệ số điều chỉnh sai số 16. Tất cả các thông số đều có dấu kỳ vọng và có ý nghĩa thống kê. Hệ số **dẫn truyền** tác động b0 dương và có ý nghĩa thống kê.

Wholesale rate: là lãi suất cơ bản mà ngân hàng trung ương thiết lập và là lãi suất liên ngân hàng được xác định bởi sự tương quan cung cầu của những định chế tham gia trên thị trường tiền tệ.

Tương tự như các kết quả nghiên cứu trước đây, chúng tôi thấy không có bằng chứng về hiện tượng **dẫn truyền tác động tức thời hoàn toàn**. Đối với **khoản vay thế chấp** lãi suất cố định, tỷ lệ chuyển giao **tức thời** từ **lãi suất** liên ngân hàng trong phạm vi từ 32,4% - lãi suất 3 năm đến 60,5% - lãi suất 1 năm. **Dẫn truyền tức thời** từ lãi suất trái phiếu 2 năm sang lãi suất cố định 2 năm ước tính đạt 81%; từ lãi suất trái phiếu 5 năm sang lãi suất cố định 5 năm thậm chí còn cao hơn với tỷ lệ là 91%.

Đối với hầu hết giá bán lẻ, chúng tôi thấy không có sự khác biệt lớn về **mức độ dẫn truyền tức thời** giữa thời kỳ trước và sau **khi đưa vào** chế độ OCR. Tuy nhiên, có hai trường hợp ngoại lệ đáng chú ý: lãi suất cho vay cơ bản - chúng tôi ước tính tăng gấp đôi **mức độ dẫn truyền tức thời** sau OCR, và lãi suất thả nổi - với sự gia tăng **mức độ dẫn truyền tức thời** thậm chí còn cao hơn.

Tất cả các ước tính d của điều chỉnh sai số hoặc điều chỉnh tốc độ đều âm và có ý nghĩa thống kê, cho thấy giá bán lẻ sẽ quay về trạng thái có giá trị cân bằng dài hạn. Tốc độ điều chỉnh cao nhất được ước tính bằng lãi suất thả nổi. Chúng tôi ước tính rằng hơn một nửa chênh lệch của sự mất cân bằng trong lãi suất thả nổi (54,5%) **hình thành** ở giai đoạn t- 1 được loại bỏ trong thời gian t. Chúng tôi thấy sự thay đổi đáng kể tốc độ điều chỉnh sau thời kỳ OCR chỉ đối với lãi suất cơ bản và lãi suất huy động **ghi nhận được**. Sự sụt giảm đáng kể trong tốc độ điều chỉnh lãi suất cơ bản nên được cân bằng với ít nhất một phần để chống lại sự gia tăng gấp đôi của tỷ lệ chuyển giao lập tức¹⁷. Tương tự đối với độ trễ điều

¹⁷ Các thông số điều chỉnh sai số kỹ thuật quy định rằng trong quyết định xem xét có nên điều chỉnh các lãi suất bán lẻ được thiết lập, các ngân hàng không chỉ nên xem xét lãi suất bán lẻ ở trạng thái cân bằng trong giai đoạn trước đó mà còn xem xét có sự thay đổi trong lãi suất thị trường không. Nếu những yếu tố khác không đổi, hệ số chuyển giao lập tức có giá trị cao hơn ngụ ý rằng các ngân hàng nhanh chóng thay đổi, thiết lập lại lãi suất bán lẻ gần hơn với trạng thái cân bằng.

chỉnh trung bình. Thời gian để lãi suất cố định 1 năm hoàn tất sự điều chỉnh trung bình để cân bằng với sự thay đổi trong tỷ giá liên ngân hàng là gần 1,5 tháng và là gần 2 tháng đối với các lãi suất cố định 3 năm để hoàn tất quá trình tương tự. Quan sát sự sụt giảm đáng kể trong MAL cho lãi suất thả nổi; từ khoảng 1,5 tháng trong giai đoạn trước OCR trước đến 0,2 tháng sau OCR¹⁸.

Bảng 3: Chuyển giao ngắn hạn và tốc độ điều chỉnh (Ước tính SEC):

$$\Delta y_t = \beta_0 \Delta x_t + \beta_{00} D * \Delta x_t + \delta_1 \hat{\epsilon}_{t-1} + \delta_2 * D * \hat{\epsilon}_{t-1} + \sum_{i=1}^q \beta_i \Delta x_{t-i} + \sum_{i=1}^p \gamma_i \Delta y_{t-i} + v_t$$

Series	β_0	$\beta_0 + \beta_{00}$	δ_1	$\delta_1 + \delta_2$	MAL1	MAL2
<i>Panel A: Interbank rate as the independent variable</i>						
Floating_rate	0.197 ^a (2.851)	0.883 ^a (4.918)	-0.545 ^a (7.838)	n.a.	1.48	0.22
Fixed_1YR	0.605 ^a (6.959)	n.a.	-0.166 ^a (2.931)	n.a.	1.43	1.43
Fixed_2YR	0.367 ^a (4.222)	n.a.	-0.148 ^a (2.884)	n.a.	1.96	1.96
Fixed_3YR	0.324 ^a (3.754)	n.a.	-0.148 ^a (2.916)	n.a.	1.96	1.96
Base_lending	0.240 ^a (5.609)	0.506 ^a (4.457)	-0.368 ^a (4.892)	-0.124 ^b (1.709)	0.79	2.36
Time_deposit	0.436 ^a (9.858)	n.a.	-0.336 ^a (4.704)	-0.180 ^a (2.637)	0.79	1.47
<i>Panel B: 2-year bond yield as the independent variable</i>						
Fixed_2YR	0.806 ^a (10.128)	n.a.	-0.342 ^a (6.350)	n.a.	0.74	0.74
<i>Panel C: 5-year bond yield as the independent variable</i>						
Fixed_5YR	0.912 ^a (13.676)	n.a.	-0.338 ^a (4.125)	n.a.	0.85	0.85

Ghi chú: D là một biến giả. D = 0 cho các quan sát trước khi tháng 3 năm 1999.

D=1: cho các quan sát còn lại.

$\hat{\epsilon}_{t-1}$: thời hạn điều chỉnh sai số, $y_{t-1} - \alpha_0 - \alpha_1 x_{t-1} - \alpha_2 D - \alpha_3 D * x_{t-1}$, ước tính bằng cách sử dụng phương pháp PL (xem Bảng 1 và 2). Biến giả được tính trong thời hạn điều chỉnh sai số chỉ khi có ý nghĩa trong Bảng 2, nếu không ước tính các hệ số dài hạn của biến giả ở Bảng 1.

Tác động chuyển giao được đo bằng hệ số β_0 và β_{00} .

$\hat{\epsilon}_{t-1}$ Các hệ số dài hạn (a) được ước tính bằng cách sử dụng phương pháp PL (xem Bảng 1 và 2). Biến giả được tính trong thời hạn điều chỉnh sai số chỉ khi có ý nghĩa trong Bảng 2, nếu không ước tính các hệ số dài hạn của biến giả ở Bảng 1.

n.a. chỉ ra rằng không có tác động từ sự thay đổi chế độ OCR.

¹⁸ Số liệu MAL được báo cáo trong Bảng 3 và 4 là những số liệu ước tính để điều chỉnh để đạt giá trị chuyển giao cân bằng. Các số liệu báo cáo trong nhiều nghiên cứu thực nghiệm là những giá trị MAL cho hoàn tất chuyển giao. Những con số này nói chung không chính xác vì họ giả định hoàn tất chuyển giao trong khi thực tế số liệu được thu thập từ mô hình mà chuyển giao dài hạn được ước tính với thời hạn điều chỉnh sai không nhất thiết phải bằng một.

MAL = độ trễ điều chỉnh trung bình (xem Hendry, 1995); MAL1 = độ trễ điều chỉnh trung bình trước OCR; MAL2 = độ trễ điều chỉnh trung bình sau OCR

a có ý nghĩa ở mức 5%.

b có ý nghĩa ở mức 10%.

Đối với hầu hết giá bán lẻ, kích thước ước tính của tỷ lệ chuyển giao ngắn hạn và độ trễ điều chỉnh trung bình cho thấy tốc độ phản ứng nhanh hơn so với tỷ lệ được báo cáo trong các nước khác (xem ví dụ, Bondt, 2002). Mặc dù có tỷ lệ thị trường tập trung tương đối cao, các ngân hàng New Zealand đã được biết đến với vị thế cạnh tranh mạnh mẽ trong phân khúc của thị trường bán lẻ. Ví dụ, trong vài năm qua, thế chấp nhà ở chiếm từ 50% đến 70% vốn vay các ngân hàng trong danh mục đầu tư và tạm ứng.

3.4. Tốc độ điều chỉnh không đối xứng

Chúng tôi đánh giá mô hình điều chỉnh sai số cấu trúc trong công thức của phương trình. (4) Cho phép tốc độ điều chỉnh cân bằng khác nhau thị trường lãi suất ngân hàng đại chúng.

Các kết quả của các mô hình điều chỉnh bất đối xứng được báo cáo trong bảng 4. Trong hình A, chúng tôi báo cáo tỷ lệ chuyển giao từ tỷ giá liên ngân hàng sang tỷ giá bán lẻ. So sánh các hệ số điều chỉnh tốc độ không đối xứng d2 và d3, trong bảng A, cho thấy kết quả khác nhau. Mặc dù chúng tôi không tìm thấy bằng chứng thống kê về phản ứng bất đối xứng của giá bán lẻ để thay đổi lãi suất thị trường khác hơn so với lãi suất cho vay kinh doanh trong giai đoạn trước OCR, sự khác biệt trong mức độ của độ trễ điều chỉnh trung bình cho thấy tốc độ chuyển giao của lãi suất cố định là nhanh hơn khi giá bán lẻ cao hơn giá trị cân bằng hơn là khi giá bán lẻ thấp hơn giá trị cân bằng. Chúng tôi có thể giải thích rằng loại không đối xứng là biểu hiện của cạnh tranh khốc liệt đang diễn ra giữa các ngân hàng trong những năm gần đây để giành thị phần trong phân khúc thị trường này. Tốc độ chuyển giao của lãi suất huy động là nhanh hơn khi lãi suất điều chỉnh giảm xuống trong giai đoạn trước OCR và tốc độ chuyển giao của lãi suất huy động chậm hơn trong giai đoạn sau OCR.

Chúng tôi có được thêm bằng chứng về việc điều chỉnh bất đối xứng từ sự tác động của mối quan hệ giữa lãi suất cố định 2 năm và lãi suất thế chấp 5 năm và lãi suất trái phiếu với kỳ hạn tương tự. Các kết quả được báo cáo trong bảng B và C của Bảng 4 cho thấy không có sự bất đối xứng có ý nghĩa thống kê trong việc điều chỉnh của lãi suất thế chấp, mặc dù tầm quan trọng của điều chỉnh tốc độ khá khác nhau trong 5 năm trước của thị trường trước thời kỳ OCR: khi mức giá cao hơn giá cân bằng, thời gian các ngân hàng phản ứng để hạ giá xuống nhanh hơn so với thời gian các ngân hàng phản ứng để nâng giá khi giá thấp hơn giá cân bằng.

Chúng tôi giải thích những kết quả như là các bằng chứng bổ sung về sự cạnh tranh khốc liệt giữa các ngân hàng trong các phân khúc cụ thể của thị trường bán lẻ. Tháng 3 năm 2005, khoảng 75% tài sản thế chấp được định giá trên lãi suất cố định cơ bản. Trong số các khoản lãi suất cố định, 30% trong số 75% được cố định lên 1 năm, 35% cố định cho một đến hai năm, và 10% là dành cho thời hạn còn lại (ví dụ lãi suất cố định 3 và 5 năm).

Lãi suất cố định 2 năm là một lãi suất “ảo” các ngân hàng sử dụng để thu hút khách hàng vay. Theo kỳ hạn của lãi suất cố định, lãi suất thả nổi - thường là cao hơn lãi suất cố định, sẽ được áp dụng đối với số dư nợ vay mua nhà nổi bật.

Bảng 4: Chuyển giao ngắn hạn và tốc độ điều chỉnh bất đối xứng (Ước tính SEC):

$$\Delta y_t = \beta_0 \Delta x_t + \beta_{00} D * \Delta x_t + \sum_{i=1} \beta_i \Delta x_{t-i} + \sum_i \gamma_i \Delta y_{t-i} + \delta_2 \lambda \hat{\varepsilon}_{t-1} + \delta_3 (1 - \lambda) \hat{\varepsilon}_{t-1} + \delta_{20} \lambda D \hat{\varepsilon}_{t-1} + \delta_{30} (1 - \lambda) D \hat{\varepsilon}_{t-1} + \eta_t$$

Series	β_0	$\beta_0 + \beta_{00}$	δ_2	δ_3	$\delta_2 + \delta_{20}$	$\delta_3 + \delta_{30}$	$\chi^2 (\delta_2 = \delta_3)$	MAL+	MAL-
<i>Panel A: Interbank rate as the independent variable</i>									
Floating	0.200 ^a (2.895)	0.836 ^a (4.45)	-0.48 ^a (4.34)	-0.596 ^a (5.849)	n.a.	n.a.	0.733	1.66 0.58	1.34 0.53
Fixed 1YR	0.605 ^a (6.949)	n.a.	-0.199 ^a (2.863)	-0.106 (1.145)	n.a.	n.a.	0.676	1.20	2.25
Fixed 2YR	0.367 ^a (4.207)	n.a.	-0.167 ^a (2.572)	-0.120 (1.563)	n.a.	n.a.	0.295	1.74	2.41
Fixed 3YR	0.323 ^a (3.723)	n.a.	-0.17 ^a (2.677)	-0.115 (1.441)	n.a.	n.a.	0.587	1.74	2.54
Base_lend	0.255 ^a (6.105)	0.513 ^a (4.31)	-0.231 ^a (2.70)	-0.560 ^a (5.825)	-0.146 (1.439)	-0.103 (1.003)	9.391 ^a 0.772	1.09 0.63	0.45 0.89
Time_dep	0.434 ^a (9.774)	n.a.	-0.412 ^a (3.915)	-0.294 ^a (3.54)	-0.16 ^a (2.04)	-0.2 ^b (1.87)	0.345 0.664	0.65 1.66	0.90 1.19
<i>Panel B: 2-year bond yield as the independent variable</i>									
Fixed 2YR	0.806 ^a (10.085)	n.a.	-0.349 ^a (3.968)	-0.338 ^a (4.948)	n.a.	n.a.	0.010	0.73	0.75
<i>Panel C: 5-year bond yield as the independent variable</i>									
Fixed 5YR	0.929 ^a (13.978)	n.a.	-0.943 ^a (2.946)	-0.457 ^a (3.859)	-0.31 ^a (3.085)	-0.46 ^a (3.859)	2.021 0.881	0.08 0.23	0.16 0.16

Ghi chú: Các số trong ngoặc là t - giá trị của hệ số ước lượng.

D là một biến giả. D = 0 cho các quan sát trước khi tháng 3 năm 1999.

D=1: cho các quan sát còn lại.

$\hat{\varepsilon}_{t-1}$: thời hạn điều chỉnh sai số, $y_{t-1} - \alpha_0 - \alpha_1 x_{t-1} - \alpha_2 D - \alpha_3 D * x_{t-1}$, ước tính bằng cách sử dụng phương pháp PL (xem Bảng 1 và 2). Biến giả được tính trong thời hạn điều chỉnh sai số chỉ khi có ý nghĩa trong Bảng 2, nếu không ước tính các hệ số dài hạn của biến giả ở Bảng 1.

Tác động chuyển giao được đo bằng hệ số β_0 và β_{00} .

n.a. chỉ ra rằng không có tác động từ sự thay đổi chế độ OCR.

Theo sự không đối xứng ECM, MAL + đại diện cho độ trễ điều chỉnh trung bình khi giá bán lẻ cao hơn giá trị cân bằng của họ và MAL - đại diện cho độ trễ điều chỉnh trung bình khi giá bán lẻ thấp hơn giá trị cân bằng của họ. Có hai số MAL được báo cáo cho một số giá bán lẻ, số thứ 1 đề cập đến điều chỉnh trung bình trước tháng ba năm 1999 (OCR) và số MAL thứ hai là sau thời kỳ OCR.

a: Chỉ ra rằng một hệ số có ý nghĩa ở mức 5%.

b: có ý nghĩa ở mức 10%.

Do đó, các ngân hàng có xu hướng tránh điều chỉnh tăng lãi suất cố định, trừ khi lợi nhuận biên của họ đang chịu áp lực và cố gắng để giảm lãi suất cố định khi có cơ hội.